

Số: 129 /QĐ-STC

Quảng Trị, ngày 05 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2022 của Sở Tài chính

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Tài chính (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán và các Phòng thuộc Sở chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Niêm yết tại VP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hải Hà

Đơn vị: **SỞ TÀI CHÍNH**
Chương: **418**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-STC ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Tài chính công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.771,00	8.771,00		
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.771,00	8.771,00		
1	Chi quản lý hành chính	8.541,00	8.541,00		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.000,00	6.000,00		
-	Chi cho con người	5.166,00	5.166,00	100	
-	Chi cho công việc	834,00	834,00	100	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.541,00	2.541,00		
-	Kinh phí làm việc với các Bộ, ngành TW	322,00	322,00	100	
-	Kinh phí hoạt động thanh tra tài chính	155,00	155,00	100	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
-	Hỗ trợ hoạt động của hệ thống Tabmis, truyền thông và các hoạt động khác về công nghệ thông tin	397,00	397,00	100	
-	Kinh phí hoạt động báo cáo giá thị trường	155,00	155,00	100	
-	Kinh phí kiểm tra, hướng dẫn chế độ chính sách các cơ quan, đơn vị, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước	357,00	357,00	100	
-	Kinh phí hoạt động Hội đồng thẩm định giá đất	230,00	230,00	100	
-	Kinh phí xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh	10,00	10,00	100	
-	Kinh phí triển khai ND 60/2021 và chuyển đổi công ty cổ phần	122,00	122,00	100	
-	Kinh phí hoạt động Tổ mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung	78,00	78,00	100	
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	540,00	540,00	100	
-	Kinh phí chi trả cho hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ	175,00	175,00	100	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	230,00	230,00		
2.1	Phục vụ công tác thẩm định giá đất cụ thể các dự án	230,00	230,00	100	